

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/DS-ST

Ngày: 10-6-2022

V/v tranh chấp hợp đồng
hợp tác

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung;
2. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Duy Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 10 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 30/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng hợp tác theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2022/QĐXXST-DS ngày 19/5/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Minh N, sinh năm 1971; thường trú: Thôn 4, xã Đ, huyện C, tỉnh Lâm Đồng; tạm trú: Số 68, DT 743, khu phố T, phường T1, thành phố D, tỉnh Bình Dương, (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1992; thường trú: Xóm P, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ: Số 151/18/1A, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Minh N trình bày:

Ông Nguyễn Minh N chạy xe ôm công nghệ (Grab), ông T là khách hàng thường xuyên đi xe của ông N đi mua hàng và bán hàng nên trở nên thân thiết. Có những lúc do thiếu tiền nên ông T mượn tạm tiền của ông N để thanh toán tiền hàng và trả liền ngay lúc đó nên ông N tin tưởng. Sau này, ông T có bảo ông N bỏ vốn ra làm ăn chung với ông T, với công việc là mua bán giấy nhám cũ. Ông

N sẽ là người lo tiền vốn để mua giấy nhám từ các công ty gỗ lớn, còn ông T sẽ là người phụ trách xem hàng, tìm các mối mua hàng và bán hàng. Lần đầu tiên ông N góp vốn với ông T số tiền 4.800.000 đồng, ông T đã mua 4 (bốn) tạ giấy nhám cũ với giá 12.000 đồng/1 kilogram tại Chi nhánh Công ty TNHH Tân Hòa 1 – xưởng sản xuất hàng mộc. Sau đó, bán lại cho công ty phân phối giấy nhám củ Minh Thư với giá 6.600.000 đồng, tiền chênh lệch thu được 1.800.000 đồng, nên ông N với ông T chia đôi mỗi người 900.000 đồng. Ngày 8/10/2020, ông T tiếp tục mua 1.310 kg giấy nhám cũ tại Công ty cổ phần Kim Tín MDF với giá 18.000 đồng/kg tương đương số tiền 23.580.000 đồng. Ông N đã thanh toán đủ số tiền 23.580.000 đồng bằng tiền mặt cho Công ty Kim Tín. Ngày 12/10/2020, ông N và ông T tiến hành thu mua của Công ty TNHH MDF Tiến Phát với khối lượng 5.990kg giấy nhám cũ với giá 15.000 đồng/kg. Tổng số tiền ông N thanh toán là 89.850.000 đồng, thanh toán bằng tiền mặt. Tổng khối lượng hàng 02 lần là 7.300 kg giấy nhám cũ, ông N cùng ông T chở hàng về kho của Công ty Tôn Thép Bình Dương, đây là kho ông N và ông T thuê của Công ty Tôn Thép Bình Dương để chứa hàng. Hai lần hàng này ông T thông báo cho ông N đã bán cho Công ty Xây Dựng Phú Thịnh Phát nhưng ông T cứ hẹn đưa tiền nhưng không đưa tiền lại cho ông N. Ngày 23/10/2020, do ba ông N bị tai biến nặng nên phải về quê chăm sóc và cũng do tin tưởng ông T nên ông N đã giao hết mọi việc cho ông T. Do đó, những lần mua hàng sau ông N đều để một mình ông T tự mình liên hệ mua và bán với các đối tác. Ông T có yêu cầu ông N chuyển vào tài khoản của ông Quý để mua hàng giấy nhám với khối lượng là 17 tấn giấy nhám cũ và 2,7 tấn giấy nhám mới bảo ông N chuyển tiền. Cứ như vậy, những lần mua hàng sau này ông T tìm mối mua hàng và ông N chuyển khoản lần lượt cho ông Q, ông T, bà H, ông Ng với tổng số tiền là 477.800.000 đồng lần lượt như sau:

- + Ông Nguyễn Duy Q với số tiền là 356.800.000 đồng;
- + Ông Lê Văn T với số tiền là 92.000.000 đồng;
- + Bà Nguyễn Thị H với số tiền là 20.000.000 đồng;
- + Ông Nguyễn Bảo Ng là 9.000.000 đồng.

Ông N xác định chỉ hợp tác làm ăn với ông Lê Văn T, còn những người tên Nguyễn Duy Q, Nguyễn Thị H và Nguyễn Bảo Ng là ai, sinh năm bao nhiêu, địa chỉ cụ thể như thế nào thì ông N không biết. Ông N chỉ chuyển tiền vào tài khoản những người này do yêu cầu của ông Lê Văn T để mua hàng.

Tổng số tiền ông N đã chuyển khoản cho ông Lê Văn T và những người mà ông yêu cầu chuyển tiền vào tài khoản của họ là 591.230.000 đồng. Số tiền này chưa bao gồm tiền thuê kho, vận chuyển và nhân công là 60.000.000 đồng nữa. Tổng cộng số tiền ông Lê Văn T thiếu của ông N là 651.230.000 đồng.

Sau nhiều lần ông N yêu cầu ông Lê Văn T thanh toán nhưng ông T không thực hiện thì ông N có làm đơn tố cáo gửi ra Công an thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tố cáo ông T về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì ông T có đến nhà ông N viết giấy nhận nợ vào các ngày 16/3/2021, ngày 17/3/2021 và ngày 18/3/2021 xác nhận còn nợ ông N số tiền 651.230.000 đồng. Ông T cam kết trả

số tiền trên cho ông N thành 02 đợt, đợt 01 từ ngày 18/3/2021 đến ngày 30/3/2021 sẽ trả 300.000.000 đồng; đợt 02 từ ngày 31/3/2021 đến hết ngày 30/4/2021 sẽ trả số tiền 351.230.000 đồng. Số tiền này tính đến ngày 30/4/2021 tôi không tính lãi. Tuy nhiên, đến sau ngày 30/4/2021 sau nhiều lần yêu cầu ông T thanh toán thì ông T vẫn không thực hiện việc trả tiền cho ông N.

Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Văn T phải thanh toán cho ông N số tiền nợ gốc là 651.230.000 đồng; Yêu cầu ông Lê Văn T thanh toán cho ông N số tiền lãi đối với nợ gốc quá hạn từ ngày 30/4/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, số tiền tạm tính từ ngày 30/4/2021 đến ngày 10/6/2022 là $651.230.000 \times 0,83\%/\text{tháng} \times 13 \text{ tháng} 10 \text{ ngày} = 70.447.890$ đồng. Tổng số tiền mà ông Nguyễn Minh N yêu cầu ông Lê Văn T trả cho ông N là 721.677.890 đồng.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Giấy xác nhận nợ ngày 16/3/2021, Giấy xác nhận nợ ngày 17/3/2021 và Giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 18/3/2021;

- *Đối với bị đơn ông Lê Văn T:* Quá trình tố tụng ông Lê Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Bị đơn không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An:

+ Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào các ngày 06/6/2022, 10/6/2022 nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng.

+ Về nội dung vụ án đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn ông Nguyễn Minh N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn T thanh toán số tiền nợ còn thiếu phát sinh từ hợp đồng hợp tác. Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng hợp tác” theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn là ông Nguyễn Minh N có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn là ông Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào ngày 06/6/2022 và ngày 10/6/2022 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, 238 Bộ

luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Minh N và ông Lê Văn T.

[1.3] Bị đơn ông Nguyễn Văn T có địa chỉ cư trú tại Số 151/18/1A, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Ông Nguyễn Minh N khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn T thanh toán số tiền hợp tác làm ăn còn nợ là 651.230.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Ông Nguyễn Minh N xác định số tiền này là tài sản riêng của ông N. Bà Nguyễn Thị Kim C là vợ của ông N có bản cam kết số tiền này là tài sản riêng của ông N, vì vậy Tòa án không triệu tập bà Nguyễn Thị Kim C tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đối với các ông Nguyễn Duy Q, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Bảo Ng là những người ông N có chuyển khoản vào tài khoản để mua hàng. Ông Nguyễn Minh N xác định ông N chuyển khoản cho những người này là theo yêu cầu của ông Lê Văn T nên ông N không biết những người này là ai, sinh năm bao nhiêu, địa chỉ ở đâu. Ông N chỉ hợp tác làm ăn với ông T và ông T đã lập giấy xác nhận toàn bộ số tiền còn nợ của ông N. Vì vậy, ông N chỉ yêu cầu một mình ông Lê Văn T thanh toán số tiền trên và đề nghị Tòa án không triệu tập ông Nguyễn Duy Q, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Bảo Ng vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hay người làm chứng. Vì vậy, Tòa án không triệu tập ông Nguyễn Duy Q, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Bảo Ng tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có mối quan hệ quen biết nên hợp tác để mua bán giấy nhám cũ, nguyên đơn ông Nguyễn Minh N là người lo tiền vốn để mua giấy nhám từ các công ty gỗ lớn, còn bị đơn ông Lê Văn T là người phụ trách xem hàng, tìm các mối mua hàng và bán hàng. Quá trình hai bên hợp tác làm ăn, nguyên đơn đã chuyển tiền cho bị đơn và những đối tác bán hàng do bị đơn chỉ định với tổng số tiền vốn gốc là 591.230.000 đồng và 60.000.000 đồng tiền thuê kho, vận chuyển và nhân công. Tổng cộng số tiền nguyên đơn đã bỏ ra để hợp tác làm ăn với bị đơn là 651.230.000 đồng. Do việc gia đình, nguyên đơn phải về quê nên mọi hoạt động kinh doanh đều do bị đơn thực hiện, sau khi bán hết khối lượng hàng hóa mà nguyên đơn bỏ tiền vốn ra để mua, bị đơn ông Lê Văn T không thanh toán lại tiền cho nguyên đơn. Vì vậy, nguyên đơn ông Nguyễn Minh N làm đơn tố cáo ông Lê Văn T ra Công an thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương về Tội lừa đảo, chiếm đoạt tài sản. Sau khi bị tố cáo, ông T đã đến nhà nguyên đơn lập giấy xác nhận còn nợ ông Nguyễn Minh N tổng số tiền là 651.230.000 đồng và cam kết trả số tiền trên cho ông N thành 02 đợt, đợt 01 từ ngày 18/3/2021 đến ngày 30/3/2021 sẽ trả 300.000.000 đồng; đợt 02 từ ngày 31/3/2021 đến hết ngày 30/4/2021 sẽ trả số tiền 351.230.000 đồng. Số tiền này tính đến ngày 30/4/2021 ông N không tính lãi. Sau đó, Công an Thành phố Dĩ An đã hướng dẫn cho nguyên đơn khởi kiện ra Tòa án để giải quyết. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán tổng số tiền vốn gốc là

651.230.000 đồng; chứng minh việc bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền này qua giấy xác nhận nợ ngày 16/3/2021, giấy xác nhận nợ ngày 17/3/2021 và giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 18/3/2021 do bị đơn ông Lê Văn T lập và ký, ghi rõ họ tên.

[2.2] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Việc nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận hợp tác mua bán giấy nhám cũ, nguyên đơn ông Nguyễn Minh N sẽ là người lo tiền vốn, còn bị đơn ông Lê Văn T sẽ là người phụ trách xem hàng, tìm các mối mua hàng và bán hàng. Việc thỏa thuận giữa hai bên được giao kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc và các bên phải thực hiện. Bị đơn ông Lê Văn T xác nhận còn nợ ông Nguyễn Minh N số tiền 651.230.000 đồng thông qua giấy xác nhận nợ ngày 16/3/2021, giấy xác nhận nợ ngày 17/3/2021 và giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 18/3/2021 và cam kết trả số tiền trên cho ông N thành 02 đợt, đợt 01 từ ngày 18/3/2021 đến ngày 30/3/2021 sẽ trả 300.000.000 đồng; đợt 02 từ ngày 31/3/2021 đến hết ngày 30/4/2021 sẽ trả số tiền 351.230.000 đồng.

Quá trình tố tụng ông Lê Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không xuất trình chứng cứ chứng minh đã thanh toán xong các khoản nợ. Như vậy ông Lê Văn T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc theo thỏa thuận nên phải có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ.

[2.3] Xét yêu cầu thanh toán tiền lãi của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền lãi đối với nợ gốc quá hạn từ ngày 30/4/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, số tiền từ ngày 30/4/2021 đến ngày 10/6/2022 là $651.230.000 \times 0,83\%/tháng \times 13 tháng 10 ngày = 70.447.890$ đồng, thấy rằng: Tại giấy xác nhận nợ đề ngày 16/3/2021 và giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 18/3/2021 hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ cuối vào ngày 30/4/2021. Quá thời hạn ngày 30/4/2021 ông T không thanh toán, vì vậy ông T vi phạm nghĩa vụ chậm trả theo Điều 353 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi là có căn cứ. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về Trách nhiệm do chậm nghĩa vụ trả tiền: *“Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”*. Do đó, nguyên đơn yêu cầu tính với mức lãi suất 0,83%/tháng (tương đương 9,96%/năm) là thấp hơn mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 có lợi cho bị đơn nên chấp nhận; Như vậy, có căn cứ buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tiền lãi 70.447.890đ (bảy mươi triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm chín mươi đồng).

[2.4] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền nợ gốc: 651.230.000 đồng; tiền lãi tính đến ngày 10/6/2022 là 70.447.890 đồng và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An.

[2.5] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.6] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 352, 353, 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh N.

Buộc ông Lê Văn T phải thanh toán cho ông Nguyễn Minh N số tiền 721.677.890 đồng (bảy trăm hai mươi một triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm chín mươi đồng), bao gồm: Tiền nợ gốc 651.230.000 đồng và tiền lãi là 70.447.890 đồng tính đến ngày 10/6/2022.

Kể từ ngày, ông Nguyễn Minh N có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Lê Văn T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nêu trên thì ông Lê Văn T còn phải thanh toán cho ông Nguyễn Minh N tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn T phải chịu 32.867.116 đồng (ba mươi hai triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm mười sáu đồng).

Ông Nguyễn Minh N không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông Nguyễn Minh N 15.457.017 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003422 ngày 19/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng